TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú Đông, ngày 11 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Phạm Thanh M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Bà T, xã Phú Đ , huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Yến N và anh Phạm Thanh M .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung:*

- Chị Nguyễn Thị Yến N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Đăng K , sinh ngày 17/10/2013.

Anh Phạm Thanh M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Anh M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Kh .

** Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị Yến N tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 49030 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, hoàn lại chị N 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc H